

KẾ HOẠCH

**Tạo lập, chuẩn hóa dữ liệu văn hóa số theo Nghị định số 277/2026/NĐ-CP
ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về
Hạ tầng văn hóa số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

Thực hiện Nghị định số 277/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về Hạ tầng văn hóa số, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Kế hoạch tạo lập, chuẩn hóa dữ liệu văn hóa số và lộ trình kết nối với Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tạo lập, số hóa, chuẩn hóa, quản lý, khai thác và chia sẻ dữ liệu văn hóa trên địa bàn tỉnh; từng bước hình thành Kho dữ liệu văn hóa số của tỉnh, bảo đảm khả năng tích hợp, kết nối, chia sẻ với Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia và các nền tảng số dùng chung.

Rà soát, kế thừa, khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, phần mềm và nền tảng số hiện có; bảo đảm đầu tư đồng bộ, tránh trùng lặp, tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với kiến trúc, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.

2. Yêu cầu

Việc xây dựng, phát triển các nền tảng số dùng chung trong lĩnh vực văn hóa phải phù hợp với quy định của Nghị định số 277/2026/NĐ-CP, kiến trúc và định hướng chuyển đổi số của tỉnh; ưu tiên tận dụng hạ tầng, nền tảng và cơ sở dữ liệu hiện có, bảo đảm đồng bộ, liên thông, khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu, không đầu tư trùng lặp, tiết kiệm và hiệu quả.

Dữ liệu văn hóa được tạo lập, quản lý và cập nhật thống nhất về cấu trúc, tiêu chuẩn, mã định danh và dữ liệu đặc tả; bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, an toàn, bảo mật, quyền sở hữu trí tuệ và khả năng kết nối, chia sẻ với các hệ thống của tỉnh và Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia theo quy định.

3. Nguyên tắc thực hiện

Dữ liệu ngành văn hóa được quản lý tập trung, thống nhất; mỗi dữ liệu chỉ có một cơ quan chịu trách nhiệm chính trong việc tạo lập, cập nhật, quản lý và bảo đảm chất lượng dữ liệu.

Việc tạo lập dữ liệu phải gắn với quá trình giải quyết công việc, phát sinh từ hoạt động quản lý nhà nước và hoạt động chuyên môn; bảo đảm nguyên tắc "tạo lập một lần, sử dụng nhiều lần", hạn chế tối đa việc nhập liệu lặp lại.

Dữ liệu trước khi tích hợp, chia sẻ với các hệ thống, nền tảng số dùng chung của tỉnh hoặc Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia phải được kiểm tra, làm sạch, chuẩn hóa theo cấu trúc dữ liệu, dữ liệu đặc tả và mã định danh thống nhất; bảo đảm khả năng tích hợp, chia sẻ và khai thác trên môi trường số.

Việc khai thác, chia sẻ và sử dụng dữ liệu phải đúng thẩm quyền, đúng mục đích, đúng phạm vi; bảo đảm quyền tiếp cận thông tin theo quy định của pháp luật, đồng thời giữ gìn giá trị lịch sử, văn hóa, tính nguyên gốc và tính xác thực của dữ liệu.

Khuyến khích huy động các nguồn lực hợp pháp của xã hội, tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ số, các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và các tổ chức có năng lực để tham gia tạo lập, số hóa, chuẩn hóa và phát triển dữ liệu văn hóa số của tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Rà soát, thống kê và số hóa dữ liệu ngành văn hóa tỉnh Đồng Tháp nhằm bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và hiện đại. Trên cơ sở đó, tổ chức quản lý, khai thác hiệu quả và chia sẻ dữ liệu liên thông với Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia theo quy định. Góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, đồng thời thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa và chuyển đổi số toàn diện trong ngành.

2. Mục tiêu cụ thể

Rà soát, thống kê và xây dựng đầy đủ danh mục dữ liệu ngành văn hóa thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; xác định rõ cơ quan quản lý, cơ quan cập nhật và trách nhiệm đối với từng nhóm dữ liệu.

Tổ chức tạo lập, số hóa và chuẩn hóa dữ liệu đối với các lĩnh vực trọng tâm gồm: di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể, di tích lịch sử - văn hóa, bảo tàng, thư viện, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm, văn hóa cơ sở, gia đình, quảng cáo, công nghiệp văn hóa và các lĩnh vực chuyên ngành khác theo quy định.

Tổ chức quản lý, tích hợp, khai thác và cập nhật dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin chuyên ngành; bảo đảm dữ liệu được quản lý thống nhất, cập nhật thường xuyên, có khả năng chia sẻ và khai thác hiệu quả.

Thực hiện kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu với Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia theo lộ trình, tiêu chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; bảo đảm dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của tỉnh được cập nhật, chia sẻ và đồng bộ đầy đủ, chính xác.

Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong công tác quản trị dữ liệu, quản lý hệ thống thông tin, bảo đảm an toàn thông tin và khai thác dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành và phát triển văn hóa số.

3. Chỉ tiêu và kết quả đầu ra chủ yếu

a) Về rà soát, lập danh mục dữ liệu: Hoàn thành rà soát, thống kê dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của ngành văn hóa; xây dựng và cập nhật Danh mục dữ liệu ngành văn hóa số của tỉnh, trong đó xác định rõ tên tập dữ liệu, cơ quan quản lý, cơ quan cập nhật, tần suất cập nhật, mức độ chia sẻ và trách nhiệm quản lý.

b) Về số hóa dữ liệu: Từng bước số hóa các hồ sơ, tài liệu, tư liệu, hiện vật và các nguồn dữ liệu thuộc các lĩnh vực văn hóa theo danh mục và thứ tự ưu tiên được phê duyệt; tỷ lệ số hóa được xác định hằng năm phù hợp với khối lượng dữ liệu, tính chất tài liệu và khả năng cân đối nguồn lực.

c) Về chuẩn hóa dữ liệu: Dữ liệu được số hóa phải được kiểm tra, làm sạch và chuẩn hóa trước khi tích hợp, khai thác, chia sẻ; hằng năm xác định tỷ lệ dữ liệu được số hóa, chuẩn hóa, cập nhật và đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ phù hợp với từng nhóm dữ liệu, khối lượng dữ liệu và khả năng cân đối nguồn lực.

d) Về dữ liệu dùng chung: Hoàn thành rà soát, xác định và từng bước hình thành Danh mục dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở và dữ liệu hạn chế chia sẻ của ngành văn hóa; xác định rõ cơ quan chủ quản, phương thức cập nhật và phạm vi khai thác đối với từng nhóm dữ liệu.

đ) Về kết nối, chia sẻ dữ liệu: Rà soát, xác định các tập dữ liệu đủ điều kiện kết nối, chia sẻ; từng bước nâng cao tỷ lệ dữ liệu đáp ứng yêu cầu về chất lượng, cấu trúc và tiêu chuẩn kỹ thuật để kết nối với các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh và Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia theo lộ trình, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

e) Về quản trị và cập nhật dữ liệu: 100% các nhóm dữ liệu được xác định trong Danh mục dữ liệu ngành văn hóa số có cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm quản lý, cập nhật và bảo đảm chất lượng dữ liệu.

g) Về đào tạo, tập huấn: Hằng năm tổ chức hoặc tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về tạo lập, số hóa, chuẩn hóa, quản trị, khai thác dữ liệu, an toàn thông tin và sử dụng các hệ thống thông tin; ưu tiên xây dựng đội ngũ cán bộ đầu mối tại các cơ quan, đơn vị thuộc ngành văn hóa.

h) Về kiểm tra, đánh giá: Hằng năm thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả tạo lập, số hóa, chuẩn hóa, cập nhật, khai thác và chia sẻ dữ liệu; tổng hợp kết quả, khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp điều chỉnh lộ trình thực hiện.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Rà soát, đánh giá hiện trạng và xây dựng danh mục dữ liệu ngành văn hóa số

Xác định chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu, cơ quan tạo lập, cơ quan cập nhật, đơn vị vận hành và trách nhiệm bảo đảm chất lượng dữ liệu đối với từng tập dữ liệu.

Tổ chức rà soát toàn diện hiện trạng dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của ngành văn hóa trên địa bàn tỉnh, bao gồm dữ liệu được lưu trữ dưới dạng hồ sơ giấy, hồ sơ điện tử, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phần mềm nghiệp vụ và các nguồn dữ liệu khác đang được các cơ quan, đơn vị quản lý. Việc rà soát phải đánh giá đầy đủ về

số lượng, chất lượng, mức độ số hóa, khả năng khai thác, tính đầy đủ, tính chính xác, mức độ cập nhật và khả năng kết nối của từng nhóm dữ liệu.

Thực hiện phân loại dữ liệu theo từng lĩnh vực quản lý nhà nước, gồm: di sản văn hóa vật thể; di sản văn hóa phi vật thể; di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh; bảo tàng; thư viện; nghệ thuật biểu diễn; điện ảnh; mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; văn hóa cơ sở; gia đình; quảng cáo; công nghiệp văn hóa; các thiết chế văn hóa và các lĩnh vực chuyên ngành khác theo quy định.

Trên cơ sở kết quả rà soát, xây dựng Danh mục dữ liệu ngành văn hóa số của tỉnh Đồng Tháp; xác định rõ tên tập dữ liệu, nội dung thông tin, cơ quan tạo lập, cơ quan quản lý, đơn vị cập nhật, tần suất cập nhật, mức độ chia sẻ, thời hạn lưu trữ và trách nhiệm quản lý đối với từng nhóm dữ liệu. Danh mục dữ liệu được rà soát, cập nhật định kỳ hoặc khi có sự thay đổi về quy định pháp luật, yêu cầu quản lý nhà nước và yêu cầu kết nối với Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia.

Đánh giá hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, hệ thống phần mềm, năng lực lưu trữ, khả năng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, mức độ đáp ứng yêu cầu về an toàn thông tin và nguồn nhân lực để làm cơ sở xây dựng lộ trình đầu tư, nâng cấp hạ tầng hoặc thiết lập, nâng cấp cơ sở dữ liệu, nền tảng số cấp địa phương khi có nhu cầu và được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Tạo lập dữ liệu ngành văn hóa số

Tổ chức tạo lập dữ liệu số đối với thông tin phát sinh trong quá trình thực hiện chức năng quản lý nhà nước và hoạt động chuyên môn thuộc phạm vi quản lý; ưu tiên các nhóm dữ liệu có giá trị cao, có nhu cầu khai thác, chia sẻ và kết nối.

Ưu tiên tạo lập dữ liệu đối với các nhóm dữ liệu trọng điểm như: hồ sơ khoa học di tích; hồ sơ kiểm kê và hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể; hiện vật bảo tàng; bảo vật quốc gia; tài liệu Hán Nôm; thư tịch cổ; tư liệu hình ảnh, phim, âm thanh; dữ liệu về lễ hội truyền thống, nghề thủ công truyền thống, làng nghề, nghệ nhân, thiết chế văn hóa; dữ liệu về hoạt động nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm; dữ liệu thống kê ngành văn hóa; dữ liệu về công nghiệp văn hóa và các tài nguyên văn hóa khác.

Quá trình tạo lập dữ liệu phải bảo đảm phản ánh đầy đủ đặc điểm, giá trị, nguồn gốc, thời gian, địa điểm, hiện trạng, quyền sở hữu, tình trạng bảo quản và các thông tin liên quan của từng đối tượng; đồng thời gắn với dữ liệu đặc tả (metadata), mã định danh thống nhất và lịch sử cập nhật để phục vụ quản lý lâu dài.

Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số hiện đại trong quá trình tạo lập dữ liệu như công nghệ quét tài liệu tốc độ cao, số hóa hình ảnh chất lượng cao, quét ba chiều (3D), ghi hình 360 độ, công nghệ nhận dạng ký tự quang học (OCR), trí tuệ nhân tạo (AI), nhận dạng hình ảnh và các giải pháp tự động hóa nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả tạo lập dữ liệu.

3. Chuẩn hóa dữ liệu ngành văn hóa số

Tổ chức chuẩn hóa dữ liệu trước khi tích hợp, khai thác, chia sẻ trên các hệ thống, nền tảng số của tỉnh và kết nối với Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia; bảo đảm dữ liệu thống nhất về cấu trúc, định dạng, danh mục dùng chung, dữ liệu đặc tả, mã định danh và các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Thực hiện kiểm tra, đối chiếu và làm sạch dữ liệu; loại bỏ dữ liệu trùng lặp, dữ liệu sai lệch, dữ liệu không còn giá trị sử dụng; bổ sung các trường thông tin còn thiếu và chuẩn hóa tên gọi, địa danh, thời gian, đơn vị đo lường, phân loại và các thuộc tính chuyên ngành nhằm nâng cao chất lượng dữ liệu.

Xây dựng quy trình kiểm soát chất lượng dữ liệu trước khi cập nhật, tích hợp, chia sẻ trên các hệ thống, nền tảng số; quy định rõ trách nhiệm của cơ quan tạo lập, cơ quan quản lý và đơn vị vận hành trong việc kiểm tra, phê duyệt, cập nhật và duy trì chất lượng dữ liệu.

Đối với dữ liệu văn hóa số thuộc trường hợp phải có dữ liệu đặc tả, bảo đảm các thông tin cơ bản về mã định danh, tham chiếu; ngữ cảnh văn hóa; ngữ cảnh số hóa; quyền sở hữu trí tuệ; điều kiện chia sẻ, khai thác, sử dụng và các thông tin cần thiết khác theo quy định.

Định kỳ tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng dữ liệu; kịp thời cập nhật, chỉnh lý, bổ sung các thông tin phát sinh, bảo đảm dữ liệu luôn đầy đủ, chính xác, đồng bộ và đáp ứng yêu cầu khai thác, chia sẻ trong toàn ngành.

4. Thiết lập, nâng cấp và khai thác cơ sở dữ liệu, nền tảng số cấp địa phương

Tỉnh tổ chức quản lý, khai thác và phát huy hiệu quả Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành, các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, phần mềm chuyên ngành và các nền tảng số hiện có; trường hợp phát sinh nhu cầu quản lý riêng, tỉnh xem xét, quyết định đầu tư, thiết lập hoặc nâng cấp cơ sở dữ liệu, nền tảng số cấp địa phương theo thẩm quyền, bảo đảm không trùng lặp với các nền tảng dùng chung quy mô quốc gia, phù hợp với kiến trúc, tiêu chuẩn kỹ thuật và khả năng cân đối nguồn lực.

Trước mắt, tập trung rà soát, chuẩn hóa, tích hợp và khai thác các nhóm dữ liệu hiện có trên Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành; hoàn thiện các chức năng cần thiết phục vụ quản lý dữ liệu, dữ liệu đặc tả, mã định danh, phân quyền khai thác, thống kê, báo cáo, cập nhật và kiểm soát chất lượng dữ liệu theo yêu cầu thực tế.

Trên cơ sở kết quả rà soát hiện trạng, yêu cầu quản lý và khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu, từng bước tích hợp dữ liệu từ các hệ thống thông tin chuyên ngành và các nền tảng dùng chung của tỉnh; bảo đảm khả năng tiếp nhận, quản lý, khai thác và chia sẻ các loại dữ liệu văn bản, hình ảnh, âm thanh, video, bản đồ số, dữ liệu không gian, mô hình ba chiều và các loại dữ liệu số khác phù hợp với điều kiện thực tế.

Việc đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu hoặc nền tảng số cấp địa phương được thực hiện theo lộ trình, trên cơ sở nhu cầu thực tế, yêu cầu quản lý, khả năng tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống của Trung ương và khả năng cân đối nguồn lực; ưu tiên tận dụng hạ tầng, nền tảng và dịch vụ công nghệ thông tin hiện có, bảo đảm không trùng lặp với các nền tảng dùng chung quy mô quốc gia; đồng thời nghiên cứu áp dụng hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin đối với những nội dung phù hợp theo quy định.

Sản phẩm đầu ra từng bước gồm: hệ thống dữ liệu văn hóa được quản lý, khai thác trên các nền tảng hiện có hoặc nền tảng cấp địa phương được cấp có thẩm quyền quyết định thiết lập; các nhóm dữ liệu được chuẩn hóa, tích hợp; quy trình

quản trị, cập nhật và chia sẻ dữ liệu; phương án kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu với Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia.

5. Kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu với Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia

Triển khai kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu của tỉnh với Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia theo đúng kiến trúc tổng thể, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn dữ liệu, giao thức kết nối và các quy định do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành; bảo đảm việc chia sẻ, đồng bộ dữ liệu được thực hiện an toàn, thông suốt, ổn định và liên tục.

Thực hiện kết nối, chia sẻ thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) và các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu khác theo kiến trúc, tiêu chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; bảo đảm việc trao đổi dữ liệu giữa các hệ thống được thực hiện tự động, hạn chế việc cung cấp dữ liệu thủ công, nâng cao tính chính xác và kịp thời của thông tin.

Xây dựng cơ chế chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong tỉnh theo nguyên tắc dữ liệu được tạo lập một lần, cập nhật một lần và sử dụng nhiều lần; bảo đảm dữ liệu đã được cập nhật, chia sẻ trên các hệ thống dùng chung được khai thác theo đúng thẩm quyền, hạn chế yêu cầu cung cấp lại thông tin đã có theo quy định.

Đối với các tập dữ liệu đủ điều kiện công khai, thực hiện chia sẻ dưới hình thức dữ liệu mở theo quy định của pháp luật nhằm phục vụ nghiên cứu khoa học, giáo dục, phát triển các sản phẩm, dịch vụ văn hóa số, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển các ngành công nghiệp văn hóa của tỉnh.

Định kỳ rà soát, đánh giá chất lượng dữ liệu trước khi thực hiện kết nối, chia sẻ và đồng bộ với Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia; kịp thời xử lý các lỗi phát sinh trong quá trình truyền nhận dữ liệu, bảo đảm dữ liệu được cập nhật đầy đủ, chính xác và đúng thời gian quy định.

6. Quản trị, vận hành và duy trì chất lượng dữ liệu

Thiết lập cơ chế quản trị dữ liệu thống nhất trong toàn ngành văn hóa; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan tạo lập dữ liệu, cơ quan quản lý dữ liệu, đơn vị vận hành

hệ thống và người sử dụng trong việc cập nhật, kiểm tra, phê duyệt, khai thác và bảo vệ dữ liệu.

Ban hành quy trình quản lý vòng đời dữ liệu từ khâu tạo lập, thu thập, kiểm tra, chuẩn hóa, tích hợp, khai thác, lưu trữ, chính lý đến khi kết thúc thời hạn lưu trữ hoặc loại bỏ theo quy định của pháp luật về lưu trữ và pháp luật chuyên ngành.

Thực hiện kiểm soát chất lượng dữ liệu theo các tiêu chí về tính đầy đủ, tính chính xác, tính thống nhất, tính kịp thời, tính toàn vẹn và khả năng khai thác; định kỳ tổ chức kiểm tra, đánh giá, làm sạch dữ liệu và cập nhật các thông tin phát sinh nhằm duy trì chất lượng dữ liệu trong suốt quá trình vận hành.

Xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát và thống kê tình hình cập nhật dữ liệu của từng cơ quan, đơn vị; định kỳ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ tạo lập, chuẩn hóa và cập nhật dữ liệu làm cơ sở phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá và xếp loại kết quả thực hiện chuyên đổi số của ngành.

7. Bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu

Triển khai đầy đủ các giải pháp kỹ thuật và quản lý nhằm bảo đảm an toàn thông tin đối với Kho dữ liệu văn hóa số và các hệ thống thông tin liên quan theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Thực hiện phân loại dữ liệu theo mức độ công khai, dữ liệu dùng chung, dữ liệu hạn chế chia sẻ và dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước; áp dụng các giải pháp phân quyền truy cập, xác thực người sử dụng, mã hóa dữ liệu, ghi nhật ký truy cập và kiểm soát hoạt động khai thác dữ liệu.

Xây dựng phương án sao lưu dữ liệu định kỳ, dự phòng hệ thống và khôi phục dữ liệu khi xảy ra sự cố; thường xuyên rà soát, đánh giá nguy cơ mất an toàn thông tin, kiểm tra các lỗ hổng bảo mật và triển khai các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố theo quy định.

Định kỳ tổ chức kiểm tra việc chấp hành các quy định về an toàn thông tin tại các cơ quan, đơn vị; tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức và nâng cao nhận

thức cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về bảo vệ dữ liệu và an toàn thông tin trong môi trường số.

8. Phát triển nguồn nhân lực và nâng cao năng lực chuyển đổi số

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp thực hiện nhiệm vụ tạo lập, chuẩn hóa, quản trị và khai thác dữ liệu văn hóa số; tập trung nâng cao năng lực về quản trị cơ sở dữ liệu, số hóa tài liệu, dữ liệu đặc tả, quản trị hệ thống thông tin, phân tích dữ liệu và bảo đảm an toàn thông tin.

Tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu theo từng lĩnh vực chuyên ngành nhằm thống nhất quy trình số hóa, tạo lập và cập nhật dữ liệu; xây dựng đội ngũ cán bộ đầu mối tại các đơn vị trực thuộc để hướng dẫn, hỗ trợ và kiểm tra việc triển khai trong toàn ngành.

Khuyến khích nghiên cứu, thử nghiệm và ứng dụng các công nghệ số như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud), Internet vạn vật (IoT), công nghệ chuỗi khối (Blockchain), thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR), mô hình số ba chiều (3D), nhận dạng ký tự quang học (OCR) và các giải pháp phân tích dữ liệu trong công tác tạo lập, quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị tài nguyên văn hóa khi đáp ứng yêu cầu thực tế.

Ưu tiên đối với các giải pháp có khả năng triển khai trên hạ tầng, nền tảng và hệ thống thông tin hiện có, mang lại hiệu quả thiết thực trong số hóa, chuẩn hóa, quản trị, khai thác và chia sẻ dữ liệu văn hóa.

Đẩy mạnh hợp tác với các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ số và các tổ chức có năng lực trong việc đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao công nghệ, tư vấn giải pháp kỹ thuật và phát triển các ứng dụng phục vụ xây dựng văn hóa số.

9. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh và nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời được huy

động từ các chương trình, đề án, dự án có liên quan, nguồn xã hội hóa, tài trợ, viện trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao, kết quả rà soát hiện trạng, yêu cầu thực tế và khả năng cân đối nguồn lực, các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ tạo lập, số hóa, chuẩn hóa, quản trị, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu, gửi cơ quan có thẩm quyền tổng hợp, xem xét, quyết định theo quy định.

Đối với các nhiệm vụ có tính chất cung cấp hạ tầng, nền tảng, phần mềm, lưu trữ, số hóa, quản trị, kết nối hoặc các dịch vụ công nghệ thông tin phù hợp, ưu tiên nghiên cứu, áp dụng hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin theo quy định, trên cơ sở đánh giá hiệu quả, tính khả thi và khả năng cân đối nguồn lực, nhằm hạn chế đầu tư ban đầu lớn, tránh đầu tư trùng lặp và bảo đảm khả năng duy trì, vận hành lâu dài.

Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch phải bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch và tuân thủ quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, đấu thầu, thuê dịch vụ công nghệ thông tin và các quy định pháp luật có liên quan.

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Đề bảo đảm việc triển khai Kế hoạch đồng bộ, hiệu quả, phù hợp với quy định tại Nghị định số 277/2026/NĐ-CP và điều kiện thực tế của tỉnh, các nhiệm vụ tạo lập, chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu văn hóa số, kết nối, chia sẻ và đồng bộ với Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia được thực hiện theo các giai đoạn sau:

1. Giai đoạn 1: Rà soát, chuẩn bị điều kiện triển khai

Thời gian thực hiện: Từ tháng 9/2026 đến hết tháng 12/2026.

a) Nội dung thực hiện

- Tổ chức quán triệt, phổ biến các quy định của Nghị định số 277/2026/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn đến các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan.

- Rà soát, thống kê, đánh giá hiện trạng dữ liệu văn hóa số, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, phần mềm chuyên ngành, nền tảng số và hạ tầng công nghệ thông tin thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

- Xây dựng, cập nhật Danh mục dữ liệu ngành văn hóa số của tỉnh; xác định các nhóm dữ liệu ưu tiên tạo lập, số hóa, chuẩn hóa và cập nhật.

- Xác định rõ cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm tạo lập, quản lý, cập nhật, chuẩn hóa và bảo đảm chất lượng dữ liệu.

- Rà soát, đánh giá khả năng kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu với Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia; xây dựng phương án kết nối theo yêu cầu và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Rà soát, xác định nhu cầu đầu tư, thiết lập, nâng cấp cơ sở dữ liệu hoặc nền tảng số dùng chung cấp địa phương phục vụ yêu cầu quản lý; bảo đảm không trùng lặp với các nền tảng dùng chung quy mô quốc gia.

- Nhiệm vụ thực hiện trước ngày 30/10/2026: Rà soát các hoạt động, dự án, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc lĩnh vực văn hóa đã triển khai trước ngày 09/7/2026; xác định các hệ thống, dữ liệu thuộc phạm vi phải kết nối, liên thông và xây dựng phương án hoàn thành kết nối, liên thông với Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia trước ngày 30/10/2026 theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 277/2026/NĐ-CP.

b) Sản phẩm đầu ra

- Danh mục dữ liệu ngành văn hóa số của tỉnh.

- Báo cáo rà soát, đánh giá hiện trạng dữ liệu, hệ thống thông tin và nền tảng số.

- Danh mục các hệ thống, dữ liệu thuộc phạm vi phải kết nối, liên thông theo quy định.

- Phương án kết nối, liên thông đối với các hệ thống, dự án đã triển khai trước ngày Nghị định có hiệu lực.

- Bộ quy trình quản lý, tạo lập, cập nhật, chuẩn hóa và chia sẻ dữ liệu.

- Kế hoạch tạo lập, số hóa và chuẩn hóa dữ liệu.

- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

2. Giai đoạn 2: Tạo lập, số hóa và chuẩn hóa dữ liệu

Thời gian thực hiện: Từ tháng 01/2027 đến hết tháng 12/2027.

a) Nội dung thực hiện

- Tổ chức rà soát, tạo lập, thu thập, số hóa dữ liệu văn hóa thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo danh mục và thứ tự ưu tiên được phê duyệt.
- Chuẩn hóa dữ liệu theo cấu trúc, định dạng, dữ liệu đặc tả và mã định danh thống nhất.
- Kiểm tra, đối chiếu, làm sạch dữ liệu; loại bỏ dữ liệu trùng lặp, sai lệch; bổ sung các trường thông tin còn thiếu.
- Hoàn thiện hồ sơ dữ liệu đối với từng lĩnh vực chuyên ngành.
- Tổ chức cập nhật dữ liệu thường xuyên, bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và chất lượng dữ liệu.
- Từng bước tích hợp dữ liệu vào các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin hoặc nền tảng số được lựa chọn theo phương án của tỉnh, bảo đảm không trùng lặp với nền tảng dùng chung quy mô quốc gia.
- Kiểm tra, đánh giá chất lượng dữ liệu trước khi đưa vào khai thác, chia sẻ và kết nối.

b) Sản phẩm đầu ra

- Dữ liệu số thuộc các lĩnh vực chuyên ngành văn hóa.
- Bộ dữ liệu được chuẩn hóa.
- Hồ sơ dữ liệu chuyên ngành hoàn chỉnh.
- Báo cáo đánh giá chất lượng dữ liệu.
- Các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin hoặc nền tảng số cấp địa phương được cập nhật, nâng cấp hoặc thiết lập theo nhu cầu quản lý và khả năng cân đối nguồn lực.

3. Giai đoạn 3: Tích hợp, hình thành và vận hành Kho dữ liệu văn hóa số của tỉnh

Thời gian thực hiện: Từ tháng 01/2028 đến hết tháng 12/2028.

a) Nội dung thực hiện

- Trên cơ sở kết quả rà soát, nhu cầu quản lý và khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu, tổ chức tích hợp, quản lý và khai thác dữ liệu văn hóa số trên các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin hoặc nền tảng số được lựa chọn, thiết lập theo quy định.

- Trường hợp có nhu cầu và đủ điều kiện, từng bước hình thành Kho dữ liệu văn hóa số của tỉnh trên cơ sở kế thừa, khai thác các hệ thống hiện có hoặc đầu tư, thiết lập mới theo quyết định của cấp có thẩm quyền; bảo đảm không trùng lặp với các nền tảng dùng chung quy mô quốc gia.

- Hoàn thiện cơ chế phân quyền khai thác dữ liệu.

- Thiết lập cơ chế giám sát, sao lưu và bảo đảm an toàn thông tin.

- Tổ chức vận hành thử nghiệm; đánh giá hiệu quả và hoàn thiện các chức năng của hệ thống.

- Chuẩn bị các điều kiện kỹ thuật, dữ liệu và phương án kết nối, chia sẻ, đồng bộ với Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia.

b) Sản phẩm đầu ra

- Hệ thống dữ liệu văn hóa số được tích hợp, quản lý và khai thác theo phương án được phê duyệt.

- Kho dữ liệu văn hóa số của tỉnh hoặc các cơ sở dữ liệu, nền tảng số cấp địa phương được thiết lập, nâng cấp, vận hành theo nhu cầu thực tế và quy định.

- Quy chế hoặc quy trình quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu.

- Hệ thống quản trị dữ liệu và cơ chế phân quyền khai thác.

- Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm.

- Phương án kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu với Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia.

4. Giai đoạn 4: Kết nối, chia sẻ với Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia và vận hành thường xuyên

Thời gian thực hiện: Từ tháng 01/2029 và thực hiện thường xuyên.

a) Nội dung thực hiện

- Tổ chức kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu văn hóa số thuộc phạm vi quản lý của tỉnh với Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia theo quy định, kiến trúc, tiêu chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Duy trì việc cập nhật, chuẩn hóa, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu định kỳ, bảo đảm dữ liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời và đáp ứng yêu cầu khai thác.

- Mở rộng các nhóm dữ liệu được kết nối, chia sẻ theo lộ trình và khả năng thực tế.

- Kiểm tra, đánh giá chất lượng dữ liệu định kỳ; kịp thời xử lý các lỗi phát sinh trong quá trình truyền nhận, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu.

- Duy trì vận hành ổn định, an toàn các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin và nền tảng số phục vụ quản lý dữ liệu văn hóa.

- Nâng cấp, mở rộng chức năng hệ thống theo yêu cầu quản lý, khả năng cân đối nguồn lực và quy định hiện hành; bảo đảm không trùng lặp với các nền tảng dùng chung quy mô quốc gia.

- Định kỳ tổng hợp, đánh giá kết quả tạo lập, cập nhật, chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu; báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

b) Sản phẩm đầu ra

- Dữ liệu văn hóa số của tỉnh được kết nối, chia sẻ và đồng bộ với Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia theo quy định.

- Dữ liệu được cập nhật, chuẩn hóa, chia sẻ thường xuyên.

- Báo cáo đánh giá hằng năm về chất lượng dữ liệu, hiệu quả khai thác và kết quả kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu.

- Các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin và nền tảng số được vận hành ổn định, an toàn, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Là cơ quan đầu mối, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện.

Chủ trì rà soát hiện trạng hạ tầng, hệ thống thông tin, nền tảng số và cơ sở dữ liệu thuộc lĩnh vực văn hóa; xây dựng kế hoạch hằng năm về tạo lập, cập nhật, chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu văn hóa số thuộc phạm vi quản lý.

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu của Kho dữ liệu văn hóa số tỉnh Đồng Tháp với Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia, Cổng dữ liệu mở tỉnh Đồng Tháp thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh và các nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu khác theo quy định.

Chủ trì tham mưu, tổ chức quản lý, tích hợp, khai thác và chia sẻ dữ liệu văn hóa của tỉnh; phối hợp triển khai kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu với Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp tỉnh có nhu cầu đầu tư, thiết lập cơ sở dữ liệu hoặc nền tảng số cấp địa phương, chủ trì tham mưu thực hiện theo thẩm quyền, bảo đảm không trùng lặp với các nền tảng dùng chung quy mô quốc gia.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục dữ liệu văn hóa số, danh mục dữ liệu mở và danh mục sản phẩm, dịch vụ văn hóa số ưu tiên phát triển; đề xuất các nhiệm vụ, dự án, phương án thuê dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ phát triển hạ tầng văn hóa số.

Định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về kết quả thực hiện; kịp thời tham mưu xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, kiến trúc, giải pháp kết nối, chia sẻ dữ liệu và bảo đảm khả năng liên thông giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và nền tảng số của tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao

Hướng dẫn, hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các công nghệ số tiên tiến; phối hợp triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo có liên quan đến hạ tầng số.

Hướng dẫn thực hiện bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, quyền liên quan và các quyền hợp pháp khác đối với dữ liệu, tài sản, sản phẩm và dịch vụ văn hóa số theo quy định.

3. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách và các quy định hiện hành, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch.

Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí; phối hợp kiểm tra việc sử dụng ngân sách nhà nước bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích và đúng quy định.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức, di sản văn hóa, nghệ thuật vào chương trình giáo dục phù hợp với từng cấp học theo quy định của pháp luật; tạo điều kiện để học sinh tiếp cận, khai thác và tham gia các hoạt động giáo dục di sản văn hóa trên môi trường số, Kho dữ liệu văn hóa số và các nền tảng số do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cung cấp.

Nghiên cứu, tham mưu cấp có thẩm quyền triển khai hoặc đề xuất thí điểm các mô hình đào tạo tích hợp giữa giáo dục phổ thông, nghệ thuật và công nghệ tại các cơ sở giáo dục có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Khuyến khích, tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh phát huy quyền tự chủ theo quy định của pháp luật trong việc tham gia thành lập, phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo văn hóa, góp phần thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và phát triển nguồn nhân lực cho các ngành công nghiệp văn hóa.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục khai thác, sử dụng hiệu quả Kho dữ liệu văn hóa số, cơ sở dữ liệu về văn hóa và các học liệu số phục vụ công tác giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và nâng cao nhận thức về bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa trong học sinh, sinh viên.

4. Công an tỉnh

Phối hợp hướng dẫn thực hiện các yêu cầu về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu, bảo vệ bí mật nhà nước và bảo đảm an toàn đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số trong lĩnh vực văn hóa.

Phối hợp nghiên cứu, triển khai kết nối, khai thác thông tin định danh, xác thực điện tử và các tiện ích của ứng dụng định danh điện tử quốc gia theo quy định, bảo đảm đúng mục đích, phạm vi và thẩm quyền.

5. Các sở, ban, ngành tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp cung cấp, cập nhật và chia sẻ dữ liệu có liên quan; lồng ghép nhiệm vụ phát triển hạ tầng văn hóa số vào chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị.

Phối hợp tuyên truyền, phổ biến, khai thác và sử dụng các nền tảng, sản phẩm, dịch vụ văn hóa số; bảo đảm chất lượng, tính chính xác, hợp pháp và an toàn của dữ liệu do cơ quan, đơn vị tạo lập, quản lý và chia sẻ.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Rà soát, thống kê, thu thập, tạo lập, cập nhật và số hóa dữ liệu về di sản văn hóa, lễ hội, thiết chế văn hóa, hoạt động văn hóa cơ sở và các giá trị văn hóa tiêu biểu trên địa bàn theo phạm vi quản lý và theo hướng dẫn chuyên môn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Phối hợp chuẩn hóa, cập nhật và chia sẻ dữ liệu lên các hệ thống, nền tảng số dùng chung; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và hợp pháp của dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn người dân tiếp cận, khai thác các sản phẩm, dịch vụ văn hóa số; nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa ở cơ sở.

Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và địa phương kịp thời phản ánh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Minh Tuấn